

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HSST

Ngày: 14/11/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Bà Bùi Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 76/2018/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Thị T, sinh năm 1984.

Đăng ký thường trú: khu vực TA, phường TH, quận TN, thành phố Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12;

Họ và tên cha: Trương Hồng TH, sinh năm: 1945 (chết); Họ và tên mẹ: Đào Thị N, sinh năm: 1954 (sống); Anh chị em ruột có 05 người, lớn sinh năm 1972, nhỏ sinh năm 1982; Họ và tên chồng: Trịnh Thanh Ph, sinh năm 1978; Con có 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, Tiền sự: không.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại:

1/ **Bạch Thị T L**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khu vực TH1, phường TL, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ.

2/ **Võ Thị Bé S**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu vực TH1, phường TL, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ **Hồ Nhựt B**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu vực TP, phường TH, quận TN, Tp. Cần Thơ.

2/ **Trịnh Thanh Ph**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu vực TP, phường TH, quận TN, Tp. Cần Thơ.

3/ **Tô Thị V**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: khu vực PL1, phường TN, quận TN, Tp. Cần Thơ.

4/ **Dương Thị Thu TH**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu vực TL3, phường TH, quận TN, Tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 13/8/2018, Trương Thị T điều khiển xe mô tô biển số 65F1 – 02733 từ nhà đến nhà của Bạch Thị T L để ăn tiệc. Trong lúc mọi người đang chuẩn bị tiệc thì T thấy con của chị Võ Thị Bé S (là em dâu của chị L) hỏi xin tiền để mua kem ăn nên chị Sáu đi về nhà lấy tiền, lúc này T đi theo phía sau chị Sáu, chị Sáu mở cửa phòng cho con chị vào lấy tiền, rồi chị Sáu đi ra phía trước nhà. T thấy con của chị Sáu ra khỏi phòng mà chìa khóa vẫn còn gắn ở cửa phòng nên T nảy sinh ý định vào phòng tìm tài sản lấy trộm, T lấy chìa khóa gắn ở cửa phòng rồi đi vào trong phòng dùng chìa khóa mở ngăn tủ nhựa thì phát hiện trong tủ có hai túi vải màu đỏ, bên trong có 02 chiếc nhẫn vàng trơn, loại vàng 24K mỗi chiếc có trọng lượng 0,005 lượng và 01 chiếc lắc vàng loại vàng 24K, có chiều dài 17cm, có dòng chữ 100955, tuổi vàng 98% trọng lượng vàng 01 lượng và 01 chiếc lắc bằng vàng, có chiều dài 18cm, có chữ 16K trọng lượng 0, 2250 lượng, T lấy hết vàng bỏ vào túi quần rồi khóa tủ và gắn chìa khóa lại như cũ. T về nhà chị L tiếp tục dự tiệc. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày T nói với mọi người là có công chuyện về trước. Đến 09 giờ ngày 14/8/2018 T đem 01 chiếc nhẫn trơn 05 chỉ vàng 24K đến tiệm vàng Lê Thị Kim Thu thuộc khu vực TP, phường TH, quận TN, thành phố Cần Thơ do anh Hồ Nhựt B làm chủ, bán 01 chỉ vàng với giá 3.425.000 đồng và được anh Bằng đưa lại 04 chỉ vàng gồm 02 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ, sau đó T tiêu xài cá nhân hết số tiền 1.925.000 đồng. Đến 16 giờ cùng ngày chị Sáu phát hiện số vàng trên bị mất nên đến công an phường trình báo.

Quá trình điều tra chứng minh được vào ngày 13/8/2018 chị Bạch Thị T L có rủ một số bạn bè làm chung công ty lại nhà chị ở khu vực Thới Hòa, phường TL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ để dự tiệc, trong lúc đó chị có lấy 02 nhẫn vàng 24K trọng lượng 10 chỉ đưa cho chị Võ Thị Bé S là em dâu của chị giữ dùm, chị tiếp tục làm đồ ăn. Sau khi nhận số vàng chị L gởi chị Sáu để cùng chiếc lắc vàng 16K,

trọng lượng 02 chỉ 03 phân của chì Trong Tủ lại, sau đó bị Trương Thị T lấy trộm hết số vàng chì L gởi và chiếc lắc vàng của chì Sáu.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá số 69/KLĐG ngày 29/8/2018 kết luận: 01 chiếc lắc bằng kim loại màu vàng có chiều dài 17cm có dòng chữ 100955, tuổi vàng 98%, trọng lượng vàng 1,000 lượng là 34.398.000 đồng; 01 chiếc lắc bằng kim loại màu vàng có chiều dài 18cm, có chữ 16K tuổi vàng 68%, trọng lượng vàng 0,2250 lượng là 5.370.300 đồng; 01 hẫn trơn bằng kim loại màu vàng có đường kính là 02cm, có dòng chữ Khải Hằng 50VT9999, tuổi vàng 99%, trọng lượng vàng 0,500 lượng là: 17.374.500 đồng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng 24K, trọng lượng vàng 0,500 lượng là: 17.374.500 đồng. Tổng trị giá 74.517.300 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm mười bảy ngàn ba trăm đồng)

Đối với anh Hồ Nhật B có mua vàng do Trương Thị T bán cho anh không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý.

Bị cáo Trương Thị T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc lắc bằng kim loại màu vàng có chiều dài 17cm có dòng chữ 100955; 01 chiếc nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng có đường kính là 02cm, có dòng chữ Khải Hằng 50VT9999; 02 chiếc nhẫn trơn mỗi chiếc có đường kính rộng 1,9cm có dòng chữ 999 TN; 01 chiếc nhẫn trơn bằng kim loại có đường kính rộng 02cm, có dòng chữ TN, đối với tài sản này Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chị Bạch T L là chủ sở hữu (bl: 97; 123) và 01 chiếc lắc bằng kim loại màu vàng có chiều dài 18cm, có chữ 16K, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chị Võ Thị Bé S là chủ sở hữu (bl: 97; 124); 01 xe mô tô biển số 65F1-027.33 màu đen xám, số khung RKKWCHOUMAXP45181, số máy: VTTJL1P52FMHN045181, đã qua sử dụng; 02 túi vải bằng nhung màu đỏ có dây kéo có hình chữ nhật trên túi có in chữ “ DNTN kinh doanh vàng Khải Hằng 75” KHAI HANG đã qua sử dụng và số tiền 3.425.000 đồng (bl: 53-54). Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chị Bạch T L và chị Võ Thị Bé S là chủ sở hữu.

Đối với chiếc nhẫn vàng trọng lượng 05 chỉ, T bán cho anh Hồ Nhật B nhưng khi mua xong anh đã nấu lại nên không thu giữ được (bl: 25-26; 104-105)

Đối với xe mô tô biển số 65F1- 02733 là xe của chồng T là anh Trịnh Thanh Ph, việc T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản anh Phong không biết.

Phản dân sự: Chị Võ Thị Bé S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Riêng chị Bạch Thị T L yêu cầu T phải bồi thường cho chị trị giá 01 chỉ vàng 24K là 3.425.000 đồng ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 79/CT-VKS-OM, ngày 25 tháng 10 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Trương Thị T có hành vi phạm tội và lý lịch như trên ra trước Tòa án nhân dân quận Ô Môn để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Đồng thời bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm làm một công dân tốt và có điều kiện lao động để nuôi dưỡng 02 người con còn nhỏ trong thời kỳ ăn học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Trương Thị T theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời, phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Thị T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm.

Về xử lý vật chứng: Công nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn đã trả lại tài sản cho các bị hại;

Đề nghị trả lại cho anh Trịnh Thanh Ph 01 xe mô tô biển số 65F1- 027.33 màu đen xám, số khung RRKWCHOUMAXP45181, số máy: VTTJL1P52FMHN045181, đã qua sử dụng.

Đối với 02 túi vải bằng nhung màu đỏ có dây kéo có hình chữ nhật trên túi có in chữ “ DNTN kinh doanh vàng Khải Hằng 75” KHAI HANG đã qua sử dụng. Tại phiên tòa hôm nay phía bị hại cho rằng 02 túi vải này không có giá trị sử dụng nên không yêu cầu nhận lại và đồng ý tiêu hủy. Do đó, đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy 02 túi vải trên.

Trả cho Bạch Thị T L số tiền 3.425.000 đồng do bị cáo nộp khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận của bị cáo Trương Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh vào khoảng 10 giờ, ngày 13/8/2018, lợi dụng lúc không ai trông coi tài

sản, bị cáo T có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của chị T L và chị Bé S bán lấy tiền tiêu xài.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá số 69/KLĐG ngày 29/8/2018 kết luận: 01 chiếc lắc bằng kim loại màu vàng có chiều dài 17cm có dòng chữ 100955, tuổi vàng 98%, trọng lượng vàng 1,000 lượng là 34.398.000 đồng; 01 chiếc lắc bằng kim loại màu vàng có chiều dài 18cm, có chữ 16K tuổi vàng 68%, trọng lượng vàng 0,2250 lượng là 5.370.300 đồng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng có đường kính là 02cm, có dòng chữ Khải Hằng 50VT9999, tuổi vàng 99%, trọng lượng vàng 0,500 lượng là: 17.374.500 đồng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng 24K, trọng lượng vàng 0,500 lượng là: 17.374.500 đồng. Tổng trị giá 74.517.300 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm mười bảy ngàn ba trăm đồng)

Giá trị tài sản mà bị cáo T lấy trộm là 74.517.300 đồng nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đối với tài sản của người khác đều phải bị xử lý nghiêm minh. Động cơ phạm tội của bị cáo là tham lam, mong muốn chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội. Hành vi trên của bị cáo làm ảnh hưởng an ninh trật tự an toàn trong xã hội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố bị cáo về tội danh, điều luật nêu trong cáo trạng là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của bản thân gây ra. Bị cáo biết hành vi xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, điều đó thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, việc điều tra truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, nhằm mục đích giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời khi phát hiện hành vi sai trái của mình bị cáo đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay phía bị hại có yêu cầu bãi nại và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được xem là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời, bị cáo có 02 người con còn nhỏ đang trong thời kỳ học hành, để tạo điều kiện cho bị cáo lao động trở thành một người có ích cho xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo nuôi dưỡng chăm sóc con cái. Do đó, không cần thiết cách ly xã hội đối với bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật mà cần áp dụng biện pháp đưa các bị cáo về địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe đối với bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét thấy đề nghị của kiểm sát viên có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Trương Thị T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trương Thị T** 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho gia đình và Ủy ban nhân dân phường TH, quận TN, thành phố Cần Thơ quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Công nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn đã trả lại tài sản cho các bị hại;

Trả lại cho anh Trịnh Thanh Ph 01 xe mô tô biển số 65F1- 027.33 màu đen xám, số khung RRKWCHOUMAXP45181, số máy: VTTJL1P52FMHN045181, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 02 túi vải bằng nhung màu đỏ có dây kéo có hình chữ nhật trên túi có in chữ “ DNTN kinh doanh vàng Khải Hằng 75” KHAI HANG đã qua sử dụng.

Trả lại cho chi Bạch Thị T L số tiền 3.425.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trương Thị T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- CA. Q Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phương Văn Chính